

Bản án số: 24/2023/HNGĐ - ST

Ngày 14/12/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Vũ Linh và bà Tạ Văn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Vũ Văn Ôn – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Quốc Cường, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị H và anh Lê Ngọc M qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/5/2007. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên

Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh M không quan tâm đến vợ con, khi chị H bị mổ ruột thừa phải nằm điều trị ở Bệnh viện thì anh M không chăm sóc cũng không giúp đỡ vợ về kinh tế, nhiều lần anh M nghi ngờ ghen tuông và chửi mắng chị H, vợ chồng không có sự yêu thương, tin tưởng đối với nhau. Xác định vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay (anh M đi làm nghề tự do tại tỉnh khác, còn chị H vẫn sống tại thôn B, xã T). Kể từ khi ly thân thì vợ chồng đã không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con là Lê Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2007 và cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/12/2013, do 02 con ở cùng chị H kể từ khi vợ chồng ly thân và các con đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Ngọc M đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (anh M đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với toàn bộ nội dung yêu cầu đề nghị của nguyên đơn, không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H, cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc M; Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2007 và cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Ma Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Lê Ngọc M phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa

án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H, cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc M; Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2007 và cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Ma Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí; anh M không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lê Ngọc M; Anh Lê Ngọc M có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Theo cung cấp của Công an xã Thổ Bình, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, trưởng thôn B, xã T thì anh Lê Ngọc M có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Anh M đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh M đang ở đâu, làm gì, lần gần nhất anh M có mặt tại địa phương là khoảng tháng 9 năm 2023 (dương lịch). Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh M đến Tòa án để làm việc nhưng anh M vắng mặt không có lý do, anh M đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xác định là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia tố tụng, bị đơn anh Lê Ngọc M vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị H và anh Lê Ngọc M là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 23/5/2007. Sau khi kết hôn chị H và anh M chung sống tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống, nhiều lần anh M nghi ngờ ghen tuông và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Ngọc M.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 30/10/2023 (BL.50) và Biên bản ghi lời khai đối với người làm chứng (BL.35) thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã phát sinh từ tháng 5 năm 2022, nguyên nhân do không hòa hợp trong làm ăn kinh tế, nhiều lần anh M nghi ngờ ghen tuông, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thiếu tin tưởng dẫn tới vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ; do vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh Lê Ngọc M.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh M có 02 con là Lê Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2007 và cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/12/2013. Do 02 con ở cùng chị H kể từ khi vợ chồng ly thân và các con đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung đối với cháu Lê Hồng Đ và cháu Lê Thị Ngọc A (BL.31-34) thể hiện khi bố mẹ ly hôn thì 02 cháu đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các cháu Lê Hồng Đ, Lê Thị Ngọc A cho chị Ma Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Ma Thị H được miễn án

phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Lê Ngọc M không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Ma Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Đ, sinh ngày 24/8/2007 và cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/12/2013 cho chị Ma Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Lê Ngọc M không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Tiến

